

Bản án số: 04/2018/HNST

Ngày: 16/01/2018

V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tấn Hùng.

2. Ông Võ Thanh Minh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C -
Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 422/2017/TLST-HNGĐ
ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc: "**Xin ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 77/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971 (Có mặt).

* Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2017, bản tự khai, những lời khai tiếp theo
cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Q chung sống với bà H vào năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký
kết hôn và được UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn
vào ngày 1996. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2012 thì
phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm
trong cuộc sống. Bà H đam mê cờ bạc không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng nên
vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay ông Q
xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q được ly
hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16/5/1987 và
Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 03/10/1989 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải
quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc H được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên hòa giải và dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Ngọc H được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà H chung sống với nhau vào năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1996 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Đến đầu năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông Q trình bày là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp, bà H đam mê cờ bạc không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 22/11/2017 tại địa phương xác nhận vợ chồng giữa ông Q và bà H là có xảy ra mâu thuẫn khoảng năm 2010, cự cãi nhiều lần, ông Q, bà H không hợp nhau rồi tự ra ở riêng và không quan tâm gì nhau từ khi sống ly thân năm 2012 đến nay. Do đó việc ông Q xin được ly hôn với bà H là có cơ sở. Bối lý mâu thuẫn của vợ chồng giữa ông Q và bà H đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng. Đời sống chung của ông Q, bà H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Q là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16/5/1987 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 03/10/1989 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Ông Q, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Ngọc H.

Ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Huỳnh Ngọc H.

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16/5/1987 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 03/10/1989 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

3/ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Ông Q không yêu cầu tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì quyền và lợi ích của ông Q, bà H sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu việc cấp dưỡng và thay đổi mức cấp dưỡng giữa vợ chồng.

6/ Về án phí:

Án phí HNST: Ông Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0012596 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C tỉnh Bến Tre. Ông Q đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7/ Ông Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các bên đương sự;
- THADS huyện;
- UBND Xã Tân Phú;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng